

Bản án số: 54/2022/HC-PT

Ngày 17 tháng 01 năm 2022

“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính về quản lý đất đai
trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ do
thu hồi đất và giải quyết khiếu nại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 358/2021/TLPT-HC ngày 21 tháng 6 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất và giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2021/HC-ST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2800/2021/QĐPT-HC ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Đặng Văn V, sinh năm 1972 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn An Thới, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Văn A, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 144, đường Ngô Quyền, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Văn bản ủy quyền ngày 13/12/2019) – Có mặt;

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K;

Địa chỉ: 04, đường 30/4, thị trấn Dương Đông, thành phố P, tỉnh K;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Chiến T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (Văn bản ủy quyền số 16/UQ-UBND ngày 20/02/2020) – Có mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Cụ Phạm Thị Đ, sinh năm 1956 – Vắng mặt;

3.2. Ông Đặng Văn N, sinh năm 1969 – Vắng mặt;

3.3. Ông Đặng Văn V¹, sinh năm 1975 – Vắng mặt;

3.4. Ông Đặng H, sinh năm 1978 – Vắng mặt;

3.5. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1983 – Vắng mặt;

3.6. Bà Đặng Thị Kim T¹, sinh năm 1989 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn An Thái, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K;

3.7. Bà Đặng Thị Kim A¹, sinh năm 1980 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn An Thái, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K;

Người đại diện hợp pháp của cụ Đ và các ông, bà: N, V¹, H, S, T¹, A¹: Ông Trần Văn A, cũng là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2020 và ngày 08/5/2020) – Có mặt;

4. *Người kháng cáo:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/02/2020 và lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Đặng Văn V và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Năm 1979, vợ chồng cụ Đặng L, cụ Phạm Thị Đ khai khẩn sử dụng hơn 7.000 m² trồng lúa, khoai mì, các loại rau ngắn ngày ... cho đến năm 1988 do chuột cắn phá nên gia đình chuyển sang trồng đào, dừa xen canh rau ngắn ngày. Năm 1995 đất ngập phèn làm chết dừa, đào nên gia đình trồng tràm trên cả diện tích hơn 7.000 m². Năm 2003 thì tràm bị cháy nên gia đình cải tạo lại đất và trồng lại tràm mới, sau đó chuyển nhượng cho một số hộ dân, đến khi Nhà nước thu hồi đất thì còn lại diện tích 1.778,6 m², trong đó có diện tích 588,58 m² gia đình quản lý sử dụng từ khi khai khẩn năm 1979 không ai tranh chấp cho đến khi Nhà nước thu hồi đất.

Thực hiện dự án “Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm – P”, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 7665/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 thu hồi của cụ Đặng L 1.778,6 m² tại Khu phố 6, thị trấn An Thái, huyện P và ban hành Quyết định số 9017/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 (*sau đây viết tắt là Quyết định số 9017*) bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho cụ Đặng L số tiền 0 đồng. Cụ Đặng L khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 (*sau đây viết tắt là Quyết định số 4184*) công nhận bồi thường, hỗ trợ cây trồng vật kiến trúc và diện tích 1.190,02 m², nhưng không công nhận bồi thường, hỗ trợ diện tích còn lại là 588,58 m² vì cho rằng diện tích đất này cụ Đặng L sử dụng sau ngày 01/7/2004.

Ngày 16/12/2017, cụ Đặng L chết. Ngày 13/6/2018 tất cả những người thừa kế của cụ Đặng L đã họp bàn, thống nhất cử ông Đặng Văn V đại diện gia đình khiếu nại và khởi kiện.

Ông Đặng Văn V khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 9017; hủy một phần Quyết định số 4184 đối với nội dung không công nhận bồi thường, hỗ trợ diện tích 588,58 m²; Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho những người thừa kế của cụ Đặng L đối với diện tích 588,58 m² do Nhà nước đã thu hồi đất.

Tại Công văn số 699/UBND-NCPC ngày 18/9/2020 và lời khai tiếp theo, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P do người đại diện hợp pháp trình bày:

Nguồn gốc diện tích 1.778,6 m² trước năm 1979 là đất chưa sử dụng do Nhà nước quản lý. Năm 1979, cụ Đặng L vào khu vực Khu phố 6, thị trấn An Thái để phát dọn trồng màu, đến năm 1995 thì bỏ đất trống không canh tác, không ai sử dụng. Năm 2004 (trước ngày 28/6/2004), cụ Đặng L vào vị trí đất trên phát dọn trồng tràm bông

vàng trên diện tích 1.190,2 m² (trong tổng diện tích 1.778,6 m²), còn lại diện tích 588,58 m² cụ Đặng L chưa sử dụng.

Ngày 24/12/2004, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 4381/QĐ-UBND thu hồi diện tích 7.296 m² của cụ Đặng L (trong đó có phần diện tích 1.778,6 m² đất trên). Sau đó, cụ Đặng L tiếp tục vào phát dọn trồng tràm bông vàng trên diện tích 588,58 m² đất nêu trên.

Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định 4184 thống nhất bồi thường, hỗ trợ, tái định cư diện tích 1.190,2 m² và bồi thường cây trồng, vật kiến trúc cho cụ Đặng L, không thừa nhận nội dung yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 588,58 m². Việc Ủy ban nhân dân huyện P không bồi thường cho cụ Đặng L 588,58 m² đất là phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác, Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định số 4248/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ đất đai, bồi thường hoa màu và vật kiến trúc cho cụ Đặng L với tổng số tiền 1.093.147.400 đồng. Do đó, người bị kiện không đồng ý yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất ý kiến của người khởi kiện và không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2020/HC-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh K đã quyết định:

Căn cứ các điều 30, 32, 116, 193, 194 Luật tổ tụng hành chính; Điều 74 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn V:

- Hủy Quyết định số 9017/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho cụ Đặng L số tiền 0 đồng;

- Hủy một phần Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của cụ Đặng L, cụ thể đối với phần nội dung không công nhận bồi thường, hỗ trợ cho cụ Đặng L diện tích đất 588,58 m²;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho cụ Đặng L (hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đặng L, gồm: Vợ là cụ Phạm Thị Đ cùng các con Đặng Văn S, Đặng H, Đặng Văn N, Đặng Văn V¹, Đặng Thị Kim T¹, Đặng Văn V, Đặng Thị Kim A¹) đối với diện tích đất 588,58 m² theo đúng quy định của pháp luật;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đồng ý với Bản án sơ thẩm về việc hủy Quyết định số 9017 và hủy một phần Quyết định số 4181, chỉ kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, bác khởi kiện của người khởi kiện đối với nội dung yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường về đất diện tích 588,58 m² cho những người thừa kế của cụ Đặng L.

Ông Trần Văn A không đồng ý kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tất cả những người thừa kế của cụ Đặng L đều thống nhất ủy quyền cho ông Đặng Văn V khởi kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P trong lĩnh vực đất đai trong thời hạn chưa quá 01 năm kể từ ngày có quyết định bị khởi kiện. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại các điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Quyết định số 9017/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P và Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P được ban hành đảm bảo về hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật.

[4] Theo Biên bản đo đạc và xác định nguồn gốc đất do Thanh tra huyện P lập ngày 28/6/2004 thì vào khoảng năm 1979, cụ Đặng L khai khẩn 7.296 m², trong đó đã trồng tràm bông vàng 4.320 m², phần diện tích còn lại chưa phát dọn. Như vậy, Biên bản này đã chứng tỏ cụ Đặng L đã khai khẩn diện tích 7.296 m² từ trước ngày 28/6/2004 (trước ngày 01/7/2004). Tuy tại thời điểm lập biên bản, cụ Đặng L chỉ mới trồng tràm trên một phần diện tích, phần diện tích còn lại chưa phát dọn, nhưng cụ Đặng L vẫn quản lý đối với toàn bộ diện tích 7.296 m² và tiếp tục phát dọn trồng tràm trên diện tích còn lại; đồng thời, Quyết định số 4381/QĐ ngày 24/12/2004 của Ủy ban nhân dân huyện P cũng thu hồi của cụ Đặng L với diện tích là 7.296 m², chứng tỏ cụ Đặng L đã quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất trên.

Tuy có quyết định thu hồi đất, nhưng trên thực tế Nhà nước chưa thực hiện quyết định và cụ Đặng L vẫn tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ diện tích 7.296 m² để trồng tràm bông vàng, không có ai tranh chấp. Theo quy định tại Điều 77 Luật Đất đai năm 2013, Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì cụ Đặng L đủ điều kiện để được bồi thường về đất đối với toàn bộ diện tích 7.296 m².

Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi của cụ Đặng L diện tích 1.778,6 m² nằm trong diện tích 7.296 m² nêu trên; đã đồng ý bồi thường về đất đối với diện tích 1.190,2 m²,

còn lại 588,58 m² không đồng ý bồi thường với lý do cụ Đặng L sử dụng diện tích này sau ngày 01/7/2004 là không đúng với Biên bản đo đạc và xác định nguồn gốc đất do Thanh tra huyện P lập ngày 28/6/2004 và không đúng thực tế sử dụng đất của cụ Đặng L. Do đó, Quyết định số 9017/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường, hỗ trợ cho cụ Đặng L 0 đồng là không đúng quy định của pháp luật và vì vậy, nội dung không thừa nhận yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 588,58 m² của cụ Đặng L tại Điều 1 của Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P cũng là không đúng.

Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[5] Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2020/HC-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh K.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn V:

2.1. Hủy Quyết định số 9017/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho cụ Đặng L số tiền 0 đồng;

2.2. Hủy một phần Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của cụ Đặng L đối với phần nội dung: “*Không thừa nhận nội dung yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 588,58 m² của ông Đặng L*”;

2.3. Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho cụ Đặng L (*hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đặng L, gồm: Vợ là cụ Phạm Thị Đ cùng các con Đặng Văn S, Đặng H, Đặng Văn N, Đặng Văn V¹, Đặng Thị Kim T¹, Đặng Văn V, Đặng Thị Kim A¹*) đối với diện tích đất 588,58 m² theo đúng quy định của pháp luật;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0009404 ngày 19/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh K;

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- Cục THADS tỉnh K;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công